

[illegible]

TT	Đơn vị	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70%						Thiệt hại từ 10% đến 70%				Kinh phí hỗ trợ		
			Diện tích cây rừng, cây lâm sân ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mười trồng đến 1/2 chưa kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sân ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mười trồng đến 1/2 chưa kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sân ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mười trồng đến 1/2 chưa kỳ khai thác	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm		Diện tích cây rừng, cây lâm sân ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mười trồng đến 1/2 chưa kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sân ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mười trồng đến 1/2 chưa kỳ khai thác	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm		Tổng NSNN hỗ trợ	Trung đo
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
		tr.đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	tr.đồng	tr.đồng
47	Trần Văn Ứng		8				4		4	7,5	2				
48	Hồ Văn Thăng									1,0					
49	Võ Văn Tuấn									0,2					
50	Hoàng Văn Chương									0,3					
51	Nguyễn Văn Căn									0,3					
52	Võ Công Phương									0,4					
53	Võ Công Hải									1,0					
54	Võ Công Ninh									0,3					
55	Võ Ba Trục									0,3					
56	Trần Văn Vi									2,0					
57	Trần Thị Phúc									0,3					
58	Nguyễn Châu									0,3					
59	Nguyễn Thị Lợi									5,0					
60	Võ Tạ Thành									0,4					
61	Nguyễn Văn Trọng									0,3					
62	Nguyễn Văn Lương									1,0					
63	Võ Văn Nộ									0,8					
64	Nguyễn Hữu Hành									0,3					
65	Hoàng Thị Xuân									0,5					
66	Nguyễn Văn Dung									0,4					
67	Hoàng Văn Đăng									0,5					
68	Nguyễn Văn Hồng									0,2					
69	Nguyễn Văn Trí									0,2					
70	Võ Ba Cục									2,0					
71	Trần Văn Trí									2,0					
										0,1					

TT	Đơn vị	Tổng giá trị thiết lập	Thiết lập trên 70%					Thiết lập từ 30% đến 70%					Kinh phí hỗ trợ			
			Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mỗi trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 0,3 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mỗi trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 0,3 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm:		Tổng NSNN hỗ trợ	Trung đó		
						Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		tr.đồng	tr.đồng	NSDP đảm bảo
			tr.đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	tr.đồng	tr.đồng	
72	Nguyễn Quang Thọai			8	15		4		7,5	2						
73	Nguyễn Xuân Quýnh								0,7							
74	Hoàng Văn Nam								0,3							
75	Võ Công Định								0,3							
76	Nguyễn Trung Chiến								0,4							
77	Trần Hữu Cơ								4,0							
78	Võ Bá Cường								0,8							
79	Võ Bá Chương								0,2							
80	Nguyễn Hòa Hạnh								0,2							
81	Nguyễn Văn Thành								0,1							
82	Nguyễn Thị Thanh								0,2							
83	Nguyễn Thị Hồng								0,4							
84	Nguyễn Quang Tây								2,5							
85	Nguyễn Minh Thuận								2,0							
86	Hoàng Cao Cường								2,5							
87	Nguyễn Quang Khích								1,0							
88	Võ Tá Bình								0,2							
89	Trần Nghĩa								0,0							
90	Nguyễn Thị Hà								0,1							
91	Võ Văn Minh								1,0							
92	Nguyễn Văn Hòa								0,2							
93	Nguyễn Văn Địch								0,4							
94	Võ Văn Hải								0,3							
95	Nguyễn Xuân Mậu								0,1							
96	Nguyễn Văn Minh								1,5							
									0,1							

TT	Đơn vị	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70%						Thiệt hại từ 30% đến 70%				Kinh phí hỗ trợ			
			Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm:		Tổng NSNN hỗ trợ	Trung đó		
						Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		tr. đồng	tr. đồng	NSDP đảm bảo
			tr. đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	tr. đồng	tr. đồng	
97	Nguyễn Hữu Diên		8	15			4		7,5	2						
98	Võ Văn Mậu								0,3							
99	Trần Văn Thuận								0,2							
100	Nguyễn Đức Hòa								0,6							
101	Nguyễn Quang Thanh								10,0							
102	Nguyễn Thị Cù								0,2							
103	Võ Bà Tý								0,3							
104	Nguyễn Văn Thành								0,5							
105	Nguyễn Thị Hương								0,2							
106	Nguyễn Thị Hòa								1,3							
107	Nguyễn Quang Ngọc								0,1							
108	Hoàng Đình Thăng								3,0							
109	Nguyễn Văn Lưu								0,2							
110	Võ Tạ Bùa								0,5							
111	Võ Tạ Nghĩa								0,1							
112	Nguyễn Văn Việt								0,2							
113	Nguyễn Văn Thông								0,4							
114	Hoàng Văn Linh								0,2							
115	Nguyễn Quang Luân								0,2							
116	Nguyễn Quang Huy								3,0							
117	Nguyễn Thị Báu								3,0							
118	Nguyễn Hữu Dũng								0,1							
119	Nguyễn Hữu Hữu								1,7							
120	Hoàng Văn Minh								3,0							
121	Nguyễn Quang Thương								0,2							
									1,0							

TT	Đơn vị	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70%					Thiệt hại từ 30% đến 70%					Kinh phí hỗ trợ		
			Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp môi trường đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi		Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo sống dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo sống dưới 12 tháng tuổi	Trong đó
			(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	Tổng NSNN hỗ trợ	Ngân sách Trung ương	NSDP đảm bảo
122	Trần Văn Dũng	tr.đồng	8	15		4			4	7,5	2			tr.đồng	tr.đồng
123	Võ Thị Tuyên									4,0					
124	Trần Hữu Mỹ									0,2					
125	Nguyễn Văn Châu									2,5					
126	Trần Hữu Chương									1,0					
127	Nguyễn Công Phi									0,1					
128	Trần Văn Đạo									0,2					
129	Nguyễn Tiến									0,1					
130	Nguyễn Thị Tuyết									0,5					
131	Hoàng Văn Linh									0,4					
132	Võ Tạ Dũng									0,3					
133	Trần Diên									0,1					
134	Nguyễn Xuân Công									0,3					
135	Nguyễn Văn Đình									1,0					
136	Trần Quốc Đoàn									2,5					
137	Võ Bà Chương									1,5					
138	Võ Công Phương									0,1					
139	Võ Tạ Bửu									0,1					
140	Nguyễn Thị Hồng									0,1					
141	Nguyễn Xuân Luận									0,2					
142	Hoàng Văn Tuyên									0,1					
143	Nguyễn Công Bình									0,1					
144	Nguyễn Thị Lọt									0,1					
145	Võ Bà Cúc									0,1					
146	Trần Quốc Đoàn									0,1					

TT	Đơn vị	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70%					Thiệt hại từ 30% đến 70%					Kinh phí hỗ trợ			
			Diện tích cây rừng, cây lâm sân ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chưa kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sân ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chưa kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm		Diện tích cây rừng, cây lâm sân ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chưa kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sân ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp kỳ Khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm:		Tổng NSNN hỗ trợ	Trung tâm		
						Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		Ngân sách Trung ương	NSDP đảm bảo	
			tr. đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	tr. đồng	tr. đồng		
147	Hoàng Văn Nam		8	15			4	7,5	2							
148	Trần Văn Tri															
149	Võ Văn Minh															
150	Hoàng Trung Thành															
151	Trần Quốc Hân															
152	Hoàng Văn Hoài															
153	Nguyễn Xuân Lưu															
154	Nguyễn Văn Trung															
155	Hoàng Thị Xuân															
156	Võ Quang Trung															
157	Nguyễn Hữu Diên															
158	Nguyễn Châu															
159	Nguyễn Văn Đình															
160	Trần Văn Nhưng															
161	Trần Quốc Hân															
162	Nguyễn Quang Luân															
163	Nguyễn Văn Trọng															
164	Trần Văn Thuận															
165	Hoàng Đình Thắng															
166	Nguyễn Xuân Hòe															
167	Hoàng Dương															
168	Nguyễn Quang Huy															
169	Nguyễn Thu Văn															
170	Nguyễn Quang Chương															
171	Nguyễn Văn Thành															

TT	Đơn vị	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70%				Thiệt hại từ 10% đến 70%					Kinh phí hỗ trợ			
			Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chưa kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chưa kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chưa kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chưa kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm:		Tổng NSNN hỗ trợ	Trong đó	
						Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi			
			tr.đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	tr.đồng	tr.đồng	tr.đồng
197	Nguyễn Văn Hồng			8		15		4		4	7,5	2			
198	Trần Văn Trí										0,1				
199	Võ Tài Nghĩa										0,1				
200	Nguyễn Hữu Khuyến										0,1				
201	Võ Tài Cường										0,1				
202	Nguyễn Sơn										0,1				
203	Nguyễn Văn Long										0,1				
204	Trần Văn Vy										0,1				
205	Nguyễn Văn Hồng										0,1				
206	Trần Văn Tiến										0,1				
207	Võ Văn Mậu										0,1				
208	Nguyễn Xuân Hòa										0,1				
209	Võ Bá Triết										0,1				
210	Nguyễn Văn Lưu										0,1				
211	Võ Công Hải										0,1				
212	Võ Công Định										0,1				
213	Nguyễn Quang Hòa										0,0				
214	Trần Văn Dương										0,1				
215	Nguyễn Xuân Thịnh										0,1				
216	Hoàng Văn Minh										0,0				
217	Trần Quốc Thiệu										0,1				
218	Nguyễn Văn Thông										0,1				
219	Nguyễn Văn Xuân										0,1				
220	Nguyễn Hữu Hạnh										0,1				
221	Nguyễn Đức Đế										0,1				

TT	Đơn vị	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70%					Thiệt hại từ 30% đến 70%					Kinh phí hỗ trợ	
			Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chưa kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chưa kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chưa kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chưa kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm:			
						Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
			(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	tr.đồng	tr.đồng	tr.đồng
222	Nguyễn Văn Kế		8	15		4		4	7,5	2				
223	Nguyễn Đức Thịnh								0,1					
224	Nguyễn Trung Chiến								0,1					
225	Nguyễn Hữu Giáp								0,1					
226	Nguyễn Đức Hữu								0,1					
227	Nguyễn Quang Hòa								0,5					
228	Trần Quốc Thuận								0,35					
229	vô tư								0,1					
230	Nguyễn Quang Tệp								0,6					
231	Nguyễn Đình Bé								0,7					

[illegible]

TỔNG HỢP BẾ KẾT HỖ TRỢ NHÌN VÀ CÂY THỐNG BỊ THUẬT HẠI ĐO BẢO GẮN RA THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 89/2023/NĐ-CP

[illegible]

[illegible]

TỔNG HỢP BẾ XUẤT HỖ TRỢ ĐỐI VỚI CÂY TRỒNG BỊ THIẾT HẠI DO BÃO GÂY RA THEO NGÀNH KINH SỐ 09.2015.50.01

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

TT	Đơn vị	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70%				Thiệt hại từ 30% đến 70%				Kinh phí hỗ trợ								
			Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lâm trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lâm trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Thiệt hại cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm: Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Tổng NSNN hỗ trợ	Trung đó					
						Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi							tr.đồng	tr.đồng				
47	Trần Văn Dũng	tr.đồng	8	15	(ha)	(ha)	(ha)	4	(ha)	(ha)	4	(ha)	(ha)	7,5	2	(ha)	(ha)	tr.đồng	tr.đồng
48	Dương Đình Báu							0,1	(ha)	(ha)									
49	Trương Thị Sơn							0,1											
50	Trương Thị Quy							0,1											
51	Nguyễn Thị Nguyễn							0,05											
52	Trương Quốc Nhật							0,15											
53	Trần Quốc Thịnh							0,1											
54	Nguyễn Đình Huệ							0,1											
55	Trương Văn Ngai							1											
56	Trương Quốc Thành							0,1											
57	Trương Thị Hương							0,1											
58	Trần Thị Dinh							0,05											
59	Trần Đình Chương							1											
60	Trần Đình Huân							0,05											
61	Nguyễn Công Hoan							0,2											
62	Hoàng Văn Mai							0,15											
63	Trần Đức Quyền							0,1											
64	Nguyễn Đình Tài							0,2											
65	Đổng Thị Huy							0,1											
66	Dương Đình Toàn							1											
67	Nguyễn Đình Trung							0,5											
68	Nguyễn Đình Liên							0,1											
69	Nguyễn Đình Liệu							0,07											
70	Trương Quốc Hương							0,1											
71	Trần Đình Huân							0,05											

[illegible]

TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ ĐỐI VỚI THỦY SẢN BỊ THIẾT HẠI DO BÃO GÂY RA THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 09/2025/ND-CP

TT	Địa phương	Tổng giá trị thiệt hại	Nuôi trồng thủy sản bán thâm canh, thâm canh trong ao (đầm/hầm)	Nuôi trồng thủy sản trong bể, lồng, bè bị thiệt hại (M2)	Nuôi trồng thủy sản theo hình thức khác	Tổng NSNN hỗ trợ	Trong đó	
							Ngân sách Trung ương	NSDP đảm bảo
		<i>tr.đồng</i>	<i>Hà nuôi bị thiệt hại</i>	<i>100m3 thể tích nuôi bị thiệt hại (M2)</i>	<i>Hà diện tích nuôi bị thiệt hại</i>	<i>tr.đồng</i>	<i>tr.đồng</i>	<i>tr.đồng</i>
	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>
	Tổng	5.330	-	-	73,45	-	-	-
I	THƯỢNG HẢI							
II	THÔN VĨNH SON	371	-	-	5,3	-	-	-
1	Trương Văn Hoàng	301			4,3			
2	Hoàng Văn Công	70			1,0			
III	THÔN TÂY SON	168	-	-	0,25	-	-	-
1	Lưu Văn Khai	128			0,18			
2	Trương Minh Tạo	40			0,07			
IV	TRƯỜNG XUÂN	24	-	-	0,05		-	-

TT	Địa phương	Tổng giá trị thiệt hại	Nuôi trồng thủy sản bán thâm canh, thâm canh trong ao (đầm/hầm)	Nuôi trồng thủy sản trong bể, lồng, bè bị thiệt hại (M2)	Nuôi trồng thủy sản theo hình thức khác	Tổng NSNN hỗ trợ	Trong đó	
							Ngân sách Trung ương	NSDP đảm bảo
		tr. đồng	Hà nuôi bị thiệt hại	100m3 thể tích nuôi bị thiệt hại (M2)	Hà diện tích nuôi bị thiệt hại	tr. đồng	tr. đồng	tr. đồng
1	Nguyễn Trọng Hiệp	24			0,05			
V	THÔN VĨNH HÒA							
VI	PHÚC THANH							
VII	THÔN NAM HẢI							
VIII	TÂN PHONG	4.767	-	-	68,1	-	-	-
1	HTX NTTS Thạch Bán				62			
2	Võ Đình Mạnh				2,5			
3	Nguyễn Thị Tuyền				2			
4	Nguyễn Thị Hiếu				1,6			
IX	THÔN ĐẠI HẢI							
X	THANH LONG							
XI	VĨNH TIỀN							
XII	THANH LAN							

TRƯỜNG HỌC BẾ XE LẬT NỔ TRÚC BÓM VÓN CÂY TRỒNG, BỊ THIẾT HẠI ĐO KẢO GÂY RA THEO NGHI ĐỊNH SỐ 09/2015/NĐ-CP

STT	Họ và tên	Thống kê tại đơn vị	Thống kê theo 70% diện tích						Thống kê theo 30-70% diện tích						Khai thác tài nguyên	
			Diện tích lúa			Chiều dài kênh			Diện tích ruộng lúa			Chiều dài kênh				
			Hạng 1 Hạng 2	Hạng 3 Hạng 4	Hạng 5 Hạng 6	Hạng 1 Hạng 2	Hạng 3 Hạng 4	Hạng 5 Hạng 6	Hạng 1 Hạng 2	Hạng 3 Hạng 4	Hạng 5 Hạng 6	Hạng 1 Hạng 2	Hạng 3 Hạng 4	Hạng 5 Hạng 6		
1	Đoàn Văn Khoa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
2	Đoàn Văn Khoa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
3	Đoàn Văn Khoa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
4	Đoàn Văn Khoa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
5	Đoàn Văn Khoa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
6	Đoàn Văn Khoa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
7	Đoàn Văn Khoa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
8	Đoàn Văn Khoa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
9	Đoàn Văn Khoa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
10	Đoàn Văn Khoa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
11	Đoàn Văn Khoa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
12	Đoàn Văn Khoa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
13	Đoàn Văn Khoa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
14	Đoàn Văn Khoa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
15	Đoàn Văn Khoa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
16	Đoàn Văn Khoa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
17	Đoàn Văn Khoa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
18	Đoàn Văn Khoa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
19	Đoàn Văn Khoa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
20	Đoàn Văn Khoa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
21	Đoàn Văn Khoa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
22	Đoàn Văn Khoa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
23	Đoàn Văn Khoa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
24	Đoàn Văn Khoa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
25	Đoàn Văn Khoa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
26	Đoàn Văn Khoa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
27	Đoàn Văn Khoa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
28	Đoàn Văn Khoa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
29	Đoàn Văn Khoa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
30	Đoàn Văn Khoa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
31	Đoàn Văn Khoa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
32	Đoàn Văn Khoa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
33	Đoàn Văn Khoa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
34	Đoàn Văn Khoa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
35	Đoàn Văn Khoa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
36	Đoàn Văn Khoa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
37	Đoàn Văn Khoa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
38	Đoàn Văn Khoa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
39	Đoàn Văn Khoa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
40	Đoàn Văn Khoa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
41	Đoàn Văn Khoa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
42	Đoàn Văn Khoa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
43	Đoàn Văn Khoa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
44	Đoàn Văn Khoa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
45	Đoàn Văn Khoa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
46	Đoàn Văn Khoa	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100

[illegible]

[illegible]

TỔNG HỢP BẾ XÂY HỒ THỤ BÓN VỚI CÂY TRỒNG BỊ THIẾT HẠI DO BÃO GÂY RA THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 69/2025/NĐ-CP

STT	Họ và họ đệm	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích						Thiệt hại từ 50 - 70% diện tích						Nguồn gốc thiệt hại	Kính gửi Ủy ban Trung ương
			Diện tích lúa		Chi bằng nông dân		Diện tích cây trồng khác		Diện tích cây trồng khác							
			Hạng phân cấp	Hạng phân cấp	Hạng phân cấp	Hạng phân cấp	Hạng phân cấp	Hạng phân cấp	Hạng phân cấp	Hạng phân cấp						
1	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12
2	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12
3	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12
4	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12
5	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12
6	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12
7	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12
8	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12
9	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12
10	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12
11	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12
12	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12
13	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12
14	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12
15	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12
16	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12
17	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12
18	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12
19	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12
20	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12
21	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12
22	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12
23	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12
24	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12
25	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12
26	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12
27	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12
28	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12
29	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12
30	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12
31	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12
32	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12
33	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12
34	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12
35	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12
36	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12
37	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12
38	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12
39	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12
40	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12
41	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12
42	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12
43	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12
44	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12
45	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12
46	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12
47	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12
48	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12
49	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12
50	Xã Thanh Bình	6.872,46	22	22	22	6	10	12	12	12	6	10	12	6	10	12

STT	Họ và họ	Số giấy tờ	Thước kẻ 100% diện tích										Thước kẻ 50-70% diện tích										Tổng	Số giấy tờ		
			Diện tích 100%		Diện tích 50-70%		Diện tích 100%		Diện tích 50-70%		Diện tích 100%		Diện tích 50-70%		Diện tích 100%		Diện tích 50-70%									
			Diện tích 100%	Diện tích 50-70%	Diện tích 100%	Diện tích 50-70%	Diện tích 100%	Diện tích 50-70%	Diện tích 100%	Diện tích 50-70%	Diện tích 100%	Diện tích 50-70%	Diện tích 100%	Diện tích 50-70%	Diện tích 100%	Diện tích 50-70%										
1	Nguyễn Thị Hương	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
2	Nguyễn Thị Hương	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
3	Phạm Văn Anh	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
4	Phạm Văn Anh	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
5	Nguyễn Thị Hương	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
6	Phạm Văn Anh	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
7	Nguyễn Thị Hương	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
8	Phạm Văn Anh	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
9	Nguyễn Thị Hương	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
10	Phạm Văn Anh	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
11	Nguyễn Thị Hương	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
12	Phạm Văn Anh	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
13	Nguyễn Thị Hương	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
14	Phạm Văn Anh	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
15	Nguyễn Thị Hương	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
16	Phạm Văn Anh	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
17	Nguyễn Thị Hương	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
18	Phạm Văn Anh	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
19	Nguyễn Thị Hương	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
20	Phạm Văn Anh	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
21	Nguyễn Thị Hương	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
22	Phạm Văn Anh	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
23	Nguyễn Thị Hương	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
24	Phạm Văn Anh	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
25	Nguyễn Thị Hương	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
26	Phạm Văn Anh	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
27	Nguyễn Thị Hương	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
28	Phạm Văn Anh	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
29	Nguyễn Thị Hương	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
30	Phạm Văn Anh	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
31	Nguyễn Thị Hương	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
32	Phạm Văn Anh	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
33	Nguyễn Thị Hương	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
34	Phạm Văn Anh	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
35	Nguyễn Thị Hương	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
36	Phạm Văn Anh	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
37	Nguyễn Thị Hương	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
38	Phạm Văn Anh	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
39	Nguyễn Thị Hương	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
40	Phạm Văn Anh	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
41	Nguyễn Thị Hương	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
42	Phạm Văn Anh	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
43	Nguyễn Thị Hương	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
44	Phạm Văn Anh	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
45	Nguyễn Thị Hương	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
46	Phạm Văn Anh	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
47	Nguyễn Thị Hương	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
48	Phạm Văn Anh	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
49	Nguyễn Thị Hương	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
50	Phạm Văn Anh	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
51	Nguyễn Thị Hương	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
52	Phạm Văn Anh	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
53	Nguyễn Thị Hương	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
54	Phạm Văn Anh	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
55	Nguyễn Thị Hương	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
56	Phạm Văn Anh	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
57	Nguyễn Thị Hương	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
58	Phạm Văn Anh	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
59	Nguyễn Thị Hương	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
60	Phạm Văn Anh	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
61	Nguyễn Thị Hương	1	22	22	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2	0	0	0,2	0,2
62	Phạm Văn Anh	1	22	22	0,2	0,2																				

[illegible]

STT	Tên phòng ban	Thập hai từ 30 - 30% đến 30%				Thập hai từ 30 - 30% đến 30%				Tổng cộng
		Điểm số từ 30 - 30%		Điểm số từ 30 - 30%		Điểm số từ 30 - 30%		Điểm số từ 30 - 30%		
		Điểm số từ 30 - 30%	Điểm số từ 30 - 30%	Điểm số từ 30 - 30%	Điểm số từ 30 - 30%	Điểm số từ 30 - 30%	Điểm số từ 30 - 30%	Điểm số từ 30 - 30%	Điểm số từ 30 - 30%	
1	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
2	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
3	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
4	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
5	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
6	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
7	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
8	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
9	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
10	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
11	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
12	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
13	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
14	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
15	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
16	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
17	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
18	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
19	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
20	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
21	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
22	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
23	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
24	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
25	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
26	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
27	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
28	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
29	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
30	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
31	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
32	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
33	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
34	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
35	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
36	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
37	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
38	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
39	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
40	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
41	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
42	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
43	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
44	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
45	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
46	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
47	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
48	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
49	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
50	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
51	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
52	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
53	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
54	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
55	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
56	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
57	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
58	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
59	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
60	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
61	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
62	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
63	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
64	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
65	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
66	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
67	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
68	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
69	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
70	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
71	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
72	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
73	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
74	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
75	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
76	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
77	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
78	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
79	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
80	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
81	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
82	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
83	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
84	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
85	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
86	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
87	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
88	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
89	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
90	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
91	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
92	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
93	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
94	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
95	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
96	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
97	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
98	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
99	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10
100	Phòng Kế toán	10	10	10	10	10	10	10	10	10

[illegible]

